

Bản án số: 140/2020/HS-PT
Ngày 12- 3 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM//
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tưu

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 243/2019/TLPT-HS ngày 07 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Duy H và bị cáo Nguyễn Văn H1. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2019/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

-Các bị cáo (có kháng cáo):

1. Nguyễn Duy H; giới tính: nam; sinh ngày 03 tháng 6 năm 1970 tại Thái Nguyên; thường trú: đã bị xóa hộ khẩu thường trú tại địa chỉ phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: mua bán xe hơi; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: Nguyễn Văn L (chết) và bà: Nguyễn Thị S (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ thứ nhất (ly hôn năm 2007) và có 01 con chung (sinh năm 1990, đã chết); có vợ thứ hai và có 02 con chung (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013); tiền án: không, tiền sự: không; 54

Nhân thân: ngày 27/11/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 07 năm tù về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 302/HSST - BL 444-445); ngày 07/4/2009 chấp hành xong hình phạt tù (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 592/GCN của Giám thị Trại giam Phú Sơn 4); đã thực hiện phần quyết định về án phí hình sự sơ thẩm (Công văn số 698/MT ngày 28/7/2016 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên v/v trả

lời ủy thác điều tra và Phiếu trả lời yêu cầu xác minh số 63/TLXM ngày 21/7/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên - BL 442, 446);

Bị bắt, tạm giam từ ngày: 18/5/2016 (có mặt).

2. Nguyễn Văn H1; giới tính: nam; sinh ngày 01 tháng 11 năm 1980 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Nguyễn Thị Thập, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: Nguyễn Văn B và bà: Nguyễn Thị L1; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 01 con (bị cáo khai con bị cáo sinh năm 2010); tiền sự: không; tiền án: không;

Nhân thân: ngày 26/8/1997, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 tháng tù về “Tội Cướp giật tài sản của công dân”, tuyên trả tự do tại phiên tòa (Bản án số 134/HSST – BL 511-518); chưa thi hành phần án phí hình sự sơ thẩm (Công văn số 19/CV-CCTHADS ngày 26/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh - BL 519);

Bị bắt, tạm giam từ ngày 18/5/2016 (có mặt).

- Các bị cáo không có kháng cáo:

1. Nguyễn Tiến K; giới tính: nam; sinh ngày 01 tháng 10 năm 1981 tại: Hải Dương; thường trú: Phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: Phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Nguyễn Đức Thanh T; giới tính: nam; sinh ngày 05 tháng 10 năm 1990 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Nguyễn Thị Thập, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (không có kháng cáo):

1. Ông Võ Kim K1, sinh năm: 1987; Trú tại: thôn Hòa Mỹ, xã Xuân Cảnh, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên (vắng mặt).

2. Bà Nông Thị L2, sinh năm: 1983; Trú tại: phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

3. Ông Lê Quyết C, sinh năm: 1983; Trú tại: phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

4. Bà Lưu Thị Thúy L3, sinh năm 1979; Trú tại: đường Nguyễn Xiển, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (có mặt).

- Người bào chữa:

1. Luật sư **Phan Thị Thanh H2** - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Duy H (vắng mặt).

2. Luật sư **Phạm Trường G-** thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Nguyễn Văn H1 và bị cáo Nguyễn Duy H(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18/5/2016, tại trước khách sạn A (địa chỉ: Phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh), Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Bộ Công an kiểm tra bắt quả tang Nguyễn Duy Hđang có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy để bán cho người khác; thu giữ trong xe ô tô do Hđiều khiển 06 gói nylon màu bạc bên trong chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 5.995,87 gam, loại Methamphetamine; 01 khẩu súng K59 có 08 viên đạn trong hộp tiếp đạn, 01 gói nylon chứa 07 viên đạn và 01 vỏ đạn, 01 ống kim loại hình trụ màu đen, qua giám định là vũ khí quân dụng, ống kim loại hình trụ tròn màu đen là phụ kiện của súng đồ chơi (Kết luận giám định số 1743/C54B ngày 25/5/2016 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh; Kết luận giám định số 1096/KLGD-H ngày 20/6/2016, số 725/KLGD-TT ngày 14/9/2016 và Kết luận giám định bổ sung số 65/KLGD-B-S-H ngày 01/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh – BL 175, 120, 128-129, 656).

Lúc 21 giờ 00 ngày 18/5/2016, tại Trạm thu phí Bảo Lộc, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng kiểm tra bắt quả tang Nguyễn Tiến K, Nguyễn Văn H1 có hành vi cất giấu chất ma túy trên xe ô tô do Võ Kim K1 điều khiển; thu giữ trong túi quần K10 viên nén màu trắng - xanh, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,8249 gam, loại MDMA; thu trong cặp xách màu đen của K bên trong có 12 gói nylon chứa chất dạng rắn màu trắng là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 700,7387 gam, loại Methamphetamine (Kết luận giám định số 1248/GĐ-PC54 ngày 21/5/2016, Kết luận giám định bổ sung không số ngày 28/9/2016, Kết luận giám định bổ sung lần 2 không số ngày 02/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng; Kết luận giám định số 1739/C54B ngày 27/5/2016 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh; Kết luận giám định bổ sung số 1184/C54B ngày 13/3/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – BL 159, 161, 686, 164, 657).

Trên cơ sở lời khai của Nguyễn Tiến K, Nguyễn Văn H1, ngày 20/5/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tiến hành khám xét chỗ ở của K và H1 tại Phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Nguyễn Thị Thập, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ: của K 01 gói nylon chứa chất kết tinh không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, khối lượng 0,2433 gam, loại Methamphetamine; của

H1 01 bịch nylon màu trắng bên trong đựng 07 gói nylon chứa tinh thể màu trắng là ma túy ở thể rắn, khối lượng 654,4465 gam, loại Methamphetamine (Kết luận giám định số 1571/GĐ-PC54 ngày 26/7/2016, Kết luận giám định bổ sung không số ngày 29/9/2016, Kết luận giám định số 1260/GĐ-PC54 ngày 24/5/2016, Kết luận giám định bổ sung không số ngày 28/9/2016, Kết luận giám định bổ sung lần 2 không số ngày 02/5/2018 và không số ngày 03/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng – BL 171, 172, 180, 182, 687, 688).

Lúc 22 giờ 30 phút ngày 20/5/2017 và 14 giờ 00 ngày 21/5/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bảo Lộc tiến hành bắt khẩn cấp Nguyễn Đức Thanh Tẻ hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; khám xét chỗ ở của Tuấn tại Nguyễn Thị Thập, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ trên nóc nhà vệ sinh 01 gói nylon đen chứa 03 bịch tinh thể màu trắng, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 334,1967 gam, loại Methamphetamine và 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng đục là ma túy, có khối lượng là 39,1820 gam, loại Methamphetamine (Kết luận giám định số 1261/GĐ-PC54 ngày 24/5/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng, Kết luận giám định số 2245/C54B ngày 18/7/2016 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, Kết luận giám định bổ sung không số ngày 28/9/2016 và Kết luận giám định bổ sung lần 2 không số ngày 02/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng, Kết luận giám định bổ sung số 1185/C54B ngày 13/3/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – BL 187, 195, 191, 685, 658).

Quá trình điều tra:

Nguyễn Tiến Kkhai nhận: bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, thông qua một người bạn tên H3 (không rõ lai lịch) giới thiệu, K quen biết Nguyễn Duy H (thường gọi là “Thầy”) là đối tượng mua bán ma túy đá, từ khoảng cuối năm 2015 đến khi bị bắt, bị cáo mua ma túy đá của H được 04 lần, mỗi lần 01kg đem về phân ra thành nhiều phần nhỏ rồi đem bán lại cho người khác thu lời, cụ thể:

- Lần 01 và lần 02: trong khoảng thời gian từ cuối năm 2015 đến tháng 02/2016, bị cáo 02 lần điện thoại đặt mua 02kg ma túy đá của H với giá 400.000.000 đồng/kg, sau khi thỏa thuận giá cả, phương thức thanh toán trả chậm và địa điểm giao nhận, bị cáo đi máy bay ra thành phố Hà Nội gặp H và được H đón bằng ô tô đưa về nhà tại Nguyễn Xiển, thành phố Hà Nội. Tại đây, lần lượt H bán cho K 01kg ma túy đá rồi chở K ra bến xe khách để bị cáo tự đón xe và đem ma túy về Thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ.

- Lần 03: khoảng giữa tháng 02/2016, bị cáo đặt mua của Hùng 01kg ma túy đá với giá 380.000.000 đồng, sau đó H điện thoại hẹn gặp K ở khu vực Sông Ray, tỉnh Đồng Nai giao cho bị cáo ma túy, K trả H 400.000.000 đồng cho lần mua thứ 02 và thiếu H 380.000.000 đồng.

- Lần 04: ngày 17/5/2016, bị cáo đặt mua của H 01kg ma túy đá giá 380.000.000 đồng, H liên lạc gặp K giao ma túy tại khu vực Bến Xe Miền Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, tổng cộng tiền bán ma túy lần 03 và lần 04 là 760.000.000 đồng, K trả trước cho H 550.000.000 đồng, còn thiếu lại 210.000.000 đồng.

Sau khi mua được 04kg ma túy đá của H, bị cáo K mang về phân chia bán lại cho những đối tượng sau: từ khoảng cuối năm 2015 đến tháng 02/2016, K bán cho Nguyễn Bá N (không rõ lai lịch) ở xã Châu Pha, Bà Rịa – Vũng Tàu 03 lần 500gam, với giá 50.000.000 đồng/100gam, thu được 250.000.000 đồng; từ khoảng tháng 3/2016 đến giữa tháng 5/2016, K bán cho một người tên T1 “Thái Lan” ở khu vực Quận 5 (không rõ lai lịch) được 02 lần, 650gam, gồm 01 lần 500gam với giá 230.000.000 đồng và 01 lần 150gam với giá 75.000.000 đồng; khoảng tháng 4 đến tháng 5/2016, K bán cho H4 “đen” (không rõ lai lịch, ở khu vực chung cư Katina, Quận 6) 600 gam, với giá 300.000.000 đồng; khoảng đầu tháng 5/2016, K bán cho C1 (không rõ lai lịch, ở trọ đường Âu Dương Lân, Quận 5) 200gam với giá 100.000.000 đồng; từ khoảng ngày 15/02/2016 đến ngày 23/4/2016, K bán cho Nguyễn Trọng T2 (sinh năm 1989, thường trú: ấp Phước Tân, xã Tân Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bắt về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”) được 03 lần, mỗi lần 50gam, tổng cộng 150gam, với giá 24.000.000 đồng/50gam. Tuy nhiên, Nguyễn Trọng T2 chỉ thừa nhận mua ma túy của K từ 02 đến 03 lần, mỗi lần từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng để sử dụng. Do đó, ngoài lời khai của K, không còn chứng cứ nào khác buộc T2 phải chịu trách nhiệm về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với 150gam ma túy đá nêu trên cùng với K. Ngoài ra, K còn lấy 200gam ma túy đá để vừa sử dụng vừa chào bán cho khách.

Đối với số ma túy còn lại (khoảng 1,7kg), ngày 17/5/2016, K đem khoảng 500gam (05 gói) cùng 01 cân điện tử đến chỗ ở của Nguyễn Văn H1 (Nguyễn Thị Thập, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh) nhờ H1 cất giữ, H1 đồng ý. Đến khoảng hơn 14 giờ 40 phút ngày 18/5/2016, K tiếp tục gửi H1 cất giữ thêm khoảng 600gam (05 gói) và nhờ H1 phân chia thành 04 gói nhỏ tổng cộng 350gam để đổi lại cho T1 “Thái Lan”, còn lại khoảng 700gam (12 gói), K cất giữ trong cặp xách màu đen rồi thuê xe ô tô do Võ Kim K1 làm tài xế đi Đà Lạt tìm mối tiêu thụ (K1 không biết K mang ma túy đi bán), sau đó, K điều khiển xe ô tô chở K1 đến đường Đinh Bộ Lĩnh gặp Nguyễn Duy H trả tiền nợ là 210.000.000 đồng và liên lạc đón Nguyễn Văn H1 ở chợ Bà Chiểu cùng đi nhưng do H1 không gửi được xe máy nên hẹn gặp ở cầu vượt vòng xoay Hàng Xanh. Khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, K và K1 đến điểm hẹn đón H1 rồi theo đường cao tốc Long Thành – Dầu Giây đi Đà Lạt, đến khoảng 21 giờ 00, khi cả ba đến trạm thu phí Bảo Lộc thì bị bắt quả tang thu giữ vật chứng là ma túy như đã nêu. Đối với 10 viên ma túy tổng hợp, do T3 (không rõ lai lịch) đưa K chào bán nhưng chưa bán được thì bị bắt và thu giữ. Do Nguyễn Duy H chỉ thừa nhận có quen biết K nhưng không mua bán ma túy, ngoài lời khai của K không còn

chứng cứ nào khác để buộc H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy đã mua bán với K.

Nguyễn Văn H1 và Võ Kim K1 khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Tiến K. Ngoài ra, Nguyễn Văn H1 còn khai nhận: sau 02 lần nhận 10 gói ma túy (khoảng 1,1kg) từ K, Kkêu H1 lấy 01 gói 100gam tách thành 02 gói 50gam; như vậy, tổng cộng 11 gói ma túy trên được cất giấu tại Nguyễn Thị Thập, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Sáng ngày 18/5/2016, do H1 có dự định đi Đà Lạt mua xe gắn máy nên H1 đem 04 gói ma túy đá (khoảng 350gam) xuống phòng 104 nhờ Nguyễn Đức Thanh Tcất giữ và nói sẽ có người đến nhận, T đồng ý và nhận gói ma túy cất vào hộc tủ, còn lại 07 gói H1 cất giấu trên nệm phòng trọ 901 (sau đó bị khám xét thu giữ tất cả). Sau khi cất giấu số ma túy của K xong, đến khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, H1 đến khu vực cầu vượt vòng xoay Hành Xanh gửi xe máy rồi cùng K lái ô tô đi Đà Lạt, khi đến trạm thu phí Bảo Lộc thì bị Công an thành phố Đà Lạt bắt quả tang như đã nêu.

Nguyễn Đức Thanh Tkhai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn H1.

Nguyễn Duy Hkhai nhận: bị cáo có 01 tiền án 07 năm tù về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”, khoảng năm 2015, thông qua bạn bè ngoài xã hội giới thiệu, H quen biết với Nguyễn Tiến K. Ngày 14/5/2016, H điều khiển xe ô tô đến khu vực cửa khẩu Tân Thanh, Lạng Sơn mua 06kg ma túy đá với giá 200.000.000 đồng/kg của 01 người bên Trung Quốc thông qua 01 thanh niên (không rõ lai lịch) làm nghề cử vận, mục đích đem vào Thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ với giá 270.000.000 đồng/kg. Sau khi mua được ma túy, Hủ Đoàn Huệ Hương G1 (sinh năm 1971, thường trú: xã Đồng Bầm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên), Trần Minh H5 (sinh năm 1974, thường trú: Nghĩa Dũng, Phúc Xá, Ba Đình, thành phố Hà Nội) vào Thành phố Hồ Chí Minh chơi và nếu H mua được xe ô tô thì nhờ H5 chạy về Hà Nội giúp. Đến ngày 17/5/2016, khi đến ngã ba Suối Cát, tỉnh Đồng Nai, H rủ thêm Nguyễn Đình L4 (là cháu của Hùng, sinh năm 1988, thường trú: xã Sơn Đông, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai) cùng vào Thành phố Hồ Chí Minh chơi (G1, H5, L4 không biết H đem ma túy vào Thành phố Hồ Chí Minh bán). Sau đó, Hđiều khiển xe ô tô đến khách sạn A thuê phòng 705 để H5, L4 ở, còn Hvà G1 ở phòng 707. Chiều ngày 18/5/2016, bị cáo liên lạc gặp Nguyễn Tiến Ktrên đường Đinh Bộ Lĩnh, gần ngã tư Đinh Bộ Lĩnh – Bạch Đằng, quận Bình Thạnh nói chuyện hỏi thăm sức khỏe; đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, H trả phòng rồi kêu G1, H5, L4 ra xe ô tô ngồi chờ, lúc này Hliên lạc với đầu mối tiêu thụ ma túy nhưng không được, do G1 mệt nên vào lại khách sạn nghỉ, còn lại H5, L4 ngồi trên xe; khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe ô tô quay lại khách sạn A tiếp tục thuê phòng nghỉ để chờ mối tiêu thụ ma túy, khi xe dừng trước khách sạn thì H5, L4 xuống xe, còn Hđang lùi xe thì bị kiểm tra bắt giữ như đã nêu. Về khẩu súng, đạn, ống giảm thanh, Hmua của 01 thanh niên (không rõ lai lịch) năm 2015 tại cửa khẩu Tân Thanh, Lạng Sơn với giá 14.000.000 đồng để phòng thân. Tuy nhiên, đến ngày 12/8/2016, Hthay đổi lời

khai, không thừa nhận đã mua 06kg ma túy đá để bán và bị thu giữ, bị cáo khai ngày 14/5/2016, do có ý định vào Thành phố Hồ Chí Minh mua xe ô tô nên H lên cửa khẩu Tân Thanh, Lạng Sơn dò hỏi giá cả, tại đây H gặp 01 người đàn ông tên S (gốc Trung Quốc, không rõ lai lịch), qua trò chuyện, S nói có 01 người bạn của Sở Thành phố Hồ Chí Minh biết nhiều mối mua bán xe ô tô nên bảo H khi vào Thành phố Hồ Chí Minh thì điện thoại cho S, S sẽ kêu bạn ra dẫn đi xem xe ô tô, đồng thời S đưa cho H 06 gói giấy bạc nói là thực phẩm chức năng nhờ H chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh làm quà cho bạn của S (người sẽ dẫn H đi xem xe ô tô). Trên đường đi H đi G1, H5, L4 cùng vào Thành phố Hồ Chí Minh chơi, đến chiều ngày 18/5/2016, H điều khiển xe ô tô đậu ở bên đường đối diện khách sạn A rồi liên lạc với S nhưng không được, sau đó H bị bắt quả tang cùng 06 gói nylon chứa ma túy, khi bị bắt H mới biết đó là ma túy đá. Ngoài ra, H cũng không thừa nhận hành vi bán 04kg ma túy đá cho K như nội dung đã nêu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2019/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ vào điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; khoản 1 Điều 230 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo H);

Căn cứ vào điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo H1);

Tuyên bố các bị cáo:

Nguyễn Duy Hùng phạm “Tội Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”;

Nguyễn Văn Hải phạm “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Xử phạt:

1. Nguyễn Duy H: tử hình về “Tội Mua bán trái phép chất ma túy”; 01 (một) năm tù về “Tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là: tử hình. Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 18/5/2016. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy H nộp phạt số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Nguyễn Văn H1: tù chung thân. Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 18/5/2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H1 nộp phạt số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tiến K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Nguyễn Đức

Thanh Tphạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/4/2019, bị cáo Nguyễn Văn H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/4/2019, bị cáo Nguyễn Duy Hkháng cáo xin xét xử lại vụ án và kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn H1 trình bày: Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng pháp luật nhưng mức hình phạt mà cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tù Chung thân là nặng vì bị cáo chỉ giữ dùm ma túy cho người khác, ngoài ra cha bị cáo được tặng Huân chương chiến công hạng nhất.

Bị cáo Nguyễn Duy H trình bày: Bị cáo có nhờ luật sư H2 bào chữa cho bị cáo nhưng do luật sư Phan Thị Thanh H2 nhiều lần vắng mặt nên tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đồng ý nhờ luật sư Phạm Trường Gbào chữa cho bị cáo. Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là không đúng với hành vi phạm tội của bị cáo, với lý do: số ma túy bị thu giữ trên xe là của người tên S (gốc Trung Quốc, không rõ lai lịch), qua trò chuyện, Snói có 01 người bạn của Sở Thành phố Hồ Chí Minh biết nhiều mỗi mua bán xe ô tô nên bảo Hkhi vào Thành phố Hồ Chí Minh thì điện thoại cho S, Ssẽ kêu bạn ra dẫn đi xem xe ô tô, đồng thời Sđưa cho H 06 gói giấy bạc nói là thực phẩm chức năng nhờ Hchuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh làm quà cho bạn của S, đến khi bị bắt thì mới biết đó là ma túy. Ngoài ra, bị cáo đã khai rất cụ thể là bị cáo không có liên quan gì với anh K. Về số tiền 2.000.000.000 đồng bị thu giữ là tiền bị cáo mượn của bà Nông Thị L2 nên bị cáo Hcũng không dùng tiền này mua ma túy.

Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Bị cáo Nguyễn Duy Hgiữ nguyên kháng cáo kêu oan cho rằng ma túy ở thể rắn, có khối lượng 5.995,87 gam, loại Methamphetaminethu giữ trong xe ô tô do Hđiều khiển không phải là của bị cáo mà của người khác gửi dùm. Bị cáo chỉ thừa nhận cất giữ 01 khẩu súng K59 có 08 viên đạn trong hộp tiếp đạn, 01 gói nylon chứa 07 viên đạn và 01 vỏ đạn, 01 ống kim loại hình trụ màu đen, qua giám định là vũ khí quân dụng, ống kim loại hình trụ tròn màu đen là phụ kiện của súng đồ chơi. Tuy nhiên, căn cứ vào các lời khai nhận tội ban đầu của bị cáo và các lời khai của các bị cáo khác và biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tòa án cấp sơ thẩm xác định và quy kết các bị cáo Nguyễn Duy Hphạm “Tội Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” là không oan cho bị cáo. Khi lượng hình cũng cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáoxử phạt bị cáo

Nguyễn Duy H tử hình về “Tội Mua bán trái phép chất ma túy”; 01 (một) năm tù về “Tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” là có căn cứ.

Bị cáo Nguyễn Văn H1 thừa nhận tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết nào mới, các tình tiết mà bị cáo nêu ra tại phiên tòa phúc thẩm như cha bị cáo được tặng Huân chương chiến công hạng nhất đã được cấp sơ thẩm xem xét.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Duy H, cũng như kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn H1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Duy H trình bày:

Đối với kháng cáo của bị cáo H1: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H1 tù Chung thân về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là quá nặng cho bị cáo. Bởi vì, trong vụ án này xét vai trò của bị cáo H1 đúng là người phạm tội nhưng cũng đồng thời là người bị hại trong đường dây mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo khác. Bị cáo H1 làm việc theo sự chỉ đạo của các bị cáo khác và cũng không nhận được bất kỳ lợi ích nào. Xét thấy sự có mặt của bị cáo H1 không làm ảnh hưởng đến đường dây mua bán ma túy này. Tại phiên tòa sơ thẩm, kiểm sát viên cũng chỉ đề nghị mức án 20 năm là mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo H1.

Đối với kháng cáo của bị cáo H: Tại phiên tòa hôm nay, luật sư chấp nhận bào chữa cho bị cáo H. Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo không kháng cáo đối với tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Xét thấy, ban đầu bị cáo thừa nhận số ma túy bị thu giữ là của bị cáo mua mục đích bán lại, nhưng sau đó bị cáo đã thay đổi lời khai. Vì vậy, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét làm rõ nguyên nhân, hoàn cảnh, điều kiện phạm tội của bị cáo khi quyết định tội danh và hình phạt đối với bị cáo H theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và Luật sư. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy H và bị cáo Nguyễn Văn H1 đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.2] Các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn H1, Nguyễn Tiến K và Nguyễn Đức Thanh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Riêng bị cáo Nguyễn Duy H không thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chỉ thừa nhận hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Tuy nhiên, xét toàn diện lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thì cơ bản lời khai các bị cáo là phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, vật chứng thu được, các kết luận giám định và các biên bản hoạt động điều tra khác, có đủ căn cứ xác định:

[2.2] Đối với bị cáo Nguyễn Duy H: Quá trình điều tra, bị cáo H thừa nhận số ma túy thu giữ trong xe ô tô do bị cáo H điều khiển là do bị cáo H mua với mục đích bán lại, nhưng sau đó bị cáo đã thay đổi lời khai. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo không thừa nhận có hành vi phạm tội, cho rằng số ma túy bị thu giữ trên xe là của người tên S (gốc Trung Quốc, không rõ lai lịch), qua trò chuyện, S đưa cho H 06 gói giấy bạc nói là thực phẩm chức năng nhờ H chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh làm quà cho bạn của S, đến khi bị bắt thì mới biết đó là ma túy. Kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 5.995,87 gam, loại Methamphetamine. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của Nguyễn Tiến K khai nhận: bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, thông qua một người bạn tên H3 (không rõ lai lịch) giới thiệu, K quen biết Nguyễn Duy H (thường gọi là “Thầy”) là đối tượng mua bán ma túy đá, từ khoảng cuối năm 2015 đến khi bị bắt, bị cáo mua ma túy đá của H được 04 lần, mỗi lần 01kg đem về phân ra thành nhiều phần nhỏ rồi đem bán lại cho người khác thu lời. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết Nguyễn Duy H đã có hành vi mua đi bán lại trái phép chất ma túy nhằm hưởng lợi nên đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 của Bộ luật Hình sự đời, bổ sung năm 2009 là đúng người đúng tội, không oan. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Duy H còn có hành vi cất giấu trái phép 01 khẩu súng quân dụng K59 có 08 viên đạn trong hộp tiếp đạn, 07 viên đạn và 01 vỏ đạn. Bị cáo trình bày mua vũ khí ở khu vực cửa khẩu Tân Thanh, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2015 cất giấu để phòng thân. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo H phạm “Tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 230 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ.

[2.3] Đối với bị cáo Nguyễn Văn H1 đã có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy (bị cáo H1 cất giấu ma túy theo yêu cầu của bị cáo K; bị cáo T cất giấu ma túy theo yêu cầu của bị cáo H1) nên phạm “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Áp dụng khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự), Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo H1 là đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Các bị cáo đã vì mục đích tư lợi, nên từ năm 2015 đến đến khi bị bắt (ngày 18/5/2016), Nguyễn Tiến K đã nhiều lần mua ma túy của bị cáo Nguyễn Duy H để bán lại cho nhiều người ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bên cạnh đó, Nguyễn Tiến K đã gửi ma túy cho bị cáo Nguyễn Văn H1 cất giữ giúp. Bị cáo Nguyễn Văn H1 gửi ma túy cho Nguyễn Đức Thanh T cất giữ giúp. Tuy nhiên, do Nguyễn Duy H không thừa nhận bán ma túy cho K, Nguyễn Trọng T2 không xác định được khối lượng ma túy đã mua đồng thời không xác định được Nguyễn Bá N, T1 “Thái Lan”, H4 “đen” và C1 để làm rõ số lần, khối lượng ma túy đã bán nên chỉ có thể xác định khối lượng ma túy mà các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự như sau:

[2.4.1] Bị cáo Nguyễn Duy H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 5.995,87 gam, loại Methamphetamine ở thể rắn bị thu giữ khi bắt quả tang theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khẩu súng bị thu giữ theo quy định tại khoản 1 Điều 230 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội để xem xét hình phạt đối với bị cáo.

[2.4.2] Bị cáo Nguyễn Văn H1 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy đã gửi cho bị cáo T và khối lượng ma túy bị thu giữ khi bị khám xét là 1.027,8252 gam, loại Methamphetamine (= 654,4465 gam + 334,1967 gam + 39,1820 gam).

[2.5] Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe cộng đồng và trật tự trị an xã hội. Riêng hành vi của bị cáo H còn trực tiếp xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng cũng như trật tự quản lý của Nhà nước đối với vũ khí quân dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H tử hình về “Tội Mua bán trái phép chất ma túy”, 01 (một) năm tù về “Tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” và xử phạt Nguyễn Văn H1 tù chung thân về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[2.6] Các bị cáo kháng cáo kêu oan và xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, hành vi phạm tội và đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không đưa ra được tình tiết nào mới để chứng minh hành vi không phạm tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo kháng cáo phải chịu 200.000đ.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

1. Bác kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy H và bị cáo Nguyễn Văn H1, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với phần bị kháng cáo.

2. Căn cứ vào điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; khoản 1 Điều 230 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 73 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017;

2.1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy H phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

2.3. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là tử hình. Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 18/5/2016.

3. Căn cứ vào điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

3.1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

3.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 tù chung thân. Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 18/5/2016.

4. Tiếp tục tạm giam các bị cáo có kháng cáo để đảm bảo cho thi hành án

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Duy H và bị cáo Nguyễn Văn H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

7. Trong thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Duy H có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xin ân giảm án tử hình.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND TP.Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP.Hồ Chí Minh (1);
- Công an TP.Hồ Chí Minh (1);
- Sở Tư pháp TP.Hồ Chí Minh(1);
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh (1);
- Trại tạm giam CA TP.Hồ Chí Minh;
- Đề t/đ cho bị cáo (2);
- Lưu HS (2). VP (4). 15b (Án 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huỳnh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên - Nguyễn Văn Tửu

Vũ Ngọc Huynh

